TÒA ÁN NHÂN DÂN TP V **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 120/2022/QĐST-HNGĐ	*V, ngày 17 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.V, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 394/2022/TLST-VHNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Ông Trần Đắc N, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: Xã C (nay là xã H), huyện X, tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ hiện nay: Căn hộ 30.07 Chung cư D, phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bà Phạm Lý Ngọc H, sinh năm 1989.

Hộ khẩu thường trú: 184/1/3 đường T, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ hiện nay: Căn hộ 30.07 Chung cư D, phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đắc N và bà Phạm Lý Ngọc H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Trần Đắc N và bà Phạm Lý Ngọc H xác nhận có 01 (một) con chung là Trần Đắc N Kha, sinh ngày 07/7/2011. Trên cơ sở thỏa thỏa của ông N và bà H, phù hợp với nguyện vọng của cháu K: Giao cháu K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

[3]. Về tài sản chung: Ông Trần Đắc N và bà Phạm Lý Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Ông Trần Đắc N và bà Phạm Lý Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về Lệ phí Tòa án: Ông Trần Đắc N và bà Phạm Lý Ngọc H mỗi người phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đắc N và bà Phạm Lý Ngọc H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần Đắc N và bà Phạm Lý Ngọc H có 01 (một) con chung là Trần Đắc N Kha, sinh ngày 07/7/2011. Trên cơ sở thỏa thỏa của ông N và bà H, phù hợp với nguyện vọng của cháu K: Giao cháu K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Kha có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Ông N và bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về Lệ phí Tòa án: Ông Trần Đắc N và bà Phạm Lý Ngọc H mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002258 và Biên lai thu tiền số 0002259 ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Ông N và bà H đã nộp đủ lệ phí.

3**.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- Các đương sự;
- VKSND TP.V;
- Chi cục THADS TP.V;
- TAND tỉnh BR-VT;
- UBND phường B, TP.V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Thị Thường